

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/05/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+GTCl+CTCl	7:25	12+10+0	0+0+0		12+5+4	0+0+0	
2		TD1+PPD+BK16	7:25	17+5	0+0		16+6	0+0	HANG SU CO TD1
3		CTK3+P8+P5	9:25	18+4+0	0+0+0		13+3+2	0+0+0	
4		AMD+PBDA+PPD	9:25	2+8+11	0+0+0		3+0+19	0+0+0	
5		AMD+TTCl	11:25	21+1	0+0		19+3	0+0	
6		TTC3+PBDA+GTCl	11:25	3+12+4	0+0+0		0+10+1	0+0+0	
7		M/RM	13:25	18	0		5	0	stand by

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
I/ Đi về trong ngày GTCl Ing



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:CTK3 - GTC1 - CTC1	CREW: QVIỆT - SON - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/2252	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DO HUU DUC	CTK3	13	1	10			92	KH-THAC	Vietnamese
2	BOGDANOV E.	CTK3	14	1	6	1	20	80	KH-THAC	Russian
3	TRINH QUOC HUY	CTK3	21	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CONG KHANG	CTK3	19	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN DU	CTK3	11	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HONG ANH	CTK3	15	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BAC HA	CTK3	16-17	2	13			62	KH-THAC	Vietnamese
8	LE CANH HUNG	CTK3	09	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAM VAN THANH	CTK3	12	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH TUAN	CTK3	18	1	9			78	ANTOAN	Vietnamese
11	CU XUAN HUY	CTK3	22	1	8	1	14	61	HVJOC	Vietnamese
12	HA XUAN QUY	CTK3	20	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DOAN ĐỨC	CTK3	10	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN PHI KHAI HOAN	GTC1				2	25	72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM DUY CHUNG	GTC1	23	1	3			66	DK9	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HUNG	GTC1						80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGHIA TIN	GTC1	25	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN TUYEN	GTC1	20	1	16			67	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN CUONG	GTC1	21-22	2	20	2	18	62	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ NHẬT QUI	GTC1	17,71	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM ĐĂNG ĐAI	GTC1	18-19	2	16			80	XAY LAP	Vietnamese
22	LE QUANG HA	GTC1	24	1	3			80	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	13	895	14	101	2	34	13		
2	GTC1	9	653	10	91	4	43	5		
3	CTC1	0	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.548</b>	<b>24</b>	<b>192</b>	<b>6</b>	<b>77</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.548</b>		<b>192</b>		<b>77</b>			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
PHẠM THÁI SON





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:TD1 - PPD - BK16	CREW: DUONG - N.ANH - DTUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/2255	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DUONG DAI THANG	PPD	55	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
2	HA THANH TUNG	PPD	95-97	3	13			86	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI HUU HUAN	PPD	89	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	99,90	2	9			57	KH-THAC	Vietnamese
5	VU CHI KIEN	PPD						78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VIET ANH	PPD	93-94	2	7			74	KH-THAC	Vietnamese
7	LE SINH TAM	PPD	90	1	8			96	KH-THAC	Vietnamese
8	VU DUC TON	PPD	98	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MINH HIEU	PPD	54	1	5			70	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN DUC LAM	PPD	60	1	4			69	KHI	Vietnamese
11	NGO SY THANH	PPD	61	1	4			86	KHI	Vietnamese
12	DIEP XUAN PHONG	PPD	56	1	7			73	KHI	Vietnamese
13	HOANG MINH TRI	PPD	91	1	8			89	KHI	Vietnamese
14	PHAN HOAI BAO	PPD	57-59	3	19			75	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG QUANG THUONG	PPD	51-53	3	17			67	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG XUAN HAI	PPD	92	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGOC TUNG	BK16	73	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
18	DAO KIM CUONG	BK16	75	1	2			60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN SON TUNG	BK16				2	25	77	KH-THAC	Vietnamese
20	LUU DUC TUAN	BK16	74	1	4			89	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN TUAN ANH	BK16	65	1	7			74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	0	0	0	0	2	62	0		
2	PPD	16	1.203	23	125	0	0	16		
3	BK16	5	366	4	17	2	25	6		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.569</b>	<b>27</b>	<b>142</b>	<b>4</b>	<b>87</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.569</b>		<b>142</b>		<b>87</b>			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DINH THI HOA

CREW

BUI HOANG DUONG  
NGHIEM VIET ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:CTK3 - P8 - P5	CREW: QVIỆT - SON - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/2253	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGÔ QUANG THẮNG	CTK3	51-52	2	8			83	KH-THAC	Vietnamese
2	PHÙNG ĐÌNH HẢI	CTK3	91-92	2	10			85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	54	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐOÀN TUẤN MINH	CTK3	50	1	6			91	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	53	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG SƠN (10908)	CTK3	60	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN CÔNG	CTK3	61-62	2	15	1	7	71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	59	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH HẢI (17773)	CTK3	99	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TUYẾN	CTK3	93	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HẢI	CTK3	95-96	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DUẬN	CTK3	55-56	2	11			63	CODIEN	Vietnamese
13	THIỀU ĐÌNH TRUNG	CTK3	57-58	2	12			64	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH PHỤ	CTK3	97-98	2	18			70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTK3	1000,47	2	11			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
16	PHAN TRẦN NGHĨA	CTK3	48-49	2	16			71	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	94	1	7			58	PSV	Vietnamese
18	VŨ NGỌC TỰ	P8	39	1	12	2	26	74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC KHÔI	P8	40-41	2	18			66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN AN NINH	P8	38	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TRUNG	P8	42	1	15			80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC LAI	P5	02	1	3	1	20	74	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	17	1.201	26	165	1	7	12		
2	P8	4	296	5	55	2	26	3		
3	P5	1	74	1	3	1	20	3		
TOTAL		22	1.571	32	223	4	53	18		
WEIGHT KG			1.571		223		53			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: AMD - PBDA - PPD	CREW: DUONG - N.ANH - DTUNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/2256		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM TUAN HA	AMD	19	1	9	2	22	71	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN LE HOA	AMD	17	1	11			59	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG MINH BAC	AMD	20-22	3	16			81	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN TAN TRI	AMD	18	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
5	ZHDANOV	PBDA	37	1	18	2	74	133	AMHIP	Russian
6	SERBAYLO VALERIY	PBDA	52	1	9			79	AMHIP	Russian
7	TELICHKO KONSTANTIN	PBDA	54	1	8			86	AMHIP	Russian
8	DUBOGRAEV MIKHAIL	PBDA	55	1	11			84	AMHIP	Russian
9	ANDREEV EVGENII	PBDA	53	1	6			90	AMHIP	Russian
10	VU VAN LINH	PPD	59	1	10	1	30	71	KH-THAC	Vietnamese
11	VO HO HAI	PPD	63	1	2	3	55	64	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG VAN TANG	PPD	58	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
13	TO QUOC THINH	PPD	60	1	8			56	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN THANH TRI	PPD	64	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGOC DUNG	PPD	62	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG ĐINH HOA	PPD	61	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TUNG DUONG	PPD	65	1	5			58	ANTOAN	Vietnamese
18	PHAN VAN THOAI	PPD	66	1	15			75	XAYLAP	Vietnamese
19	LE XUAN DAM	PPD	56	1	4			59	PSV	Vietnamese
20	TA QUANG PHUC	PPD	57	1	2			110	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	4	270	6	44	2	22	3		
2	PBDA	5	472	5	52	2	74	0		
3	PPD	11	745	11	69	4	85	19		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.487</b>	<b>22</b>	<b>165</b>	<b>8</b>	<b>181</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.487</b>		<b>165</b>		<b>181</b>			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

HOANG THI THUY

CREW

BUI HOANG DUONG

NGHIEM VIET ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO:AMD - TTC1	CREW: LINH - NPHÚ - THỤ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM26/2254		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	02	1	2	4	80	54	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	09-10	2	10			58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	03	1	3			47	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	24	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TƯỜNG	AMD	32-33	2	9			73	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CHI CƯỜNG	AMD	21	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRI TRUNG	AMD	04	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	05	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC THỤ	AMD	15	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THỤ	AMD	22-23	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÍNH	AMD	13-14	2	18			75	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN ĐƯỜNG	AMD	11-12	2	6			65	CODIEN	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HAI	AMD	19-20	2	12			72	CODIEN	Vietnamese
14	HOÀNG HỮU TRỌNG	AMD	18	1	14			70	CODIEN	Vietnamese
15	HÀ QUANG HUY	AMD	06-07	2	15			64	CODIEN	Vietnamese
16	VŨ MẠNH ĐIỆP	AMD	16-17	2	11			71	CODIEN	Vietnamese
17	CAO XUÂN DŨNG	AMD	27	1	13	2	28	71	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	08	1	7			55	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	01	1	6			63	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	19	1.250	27	164	6	108	19		
2	TTC1	0	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.250</b>	<b>27</b>	<b>164</b>	<b>6</b>	<b>108</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.250</b>		<b>164</b>		<b>108</b>			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỤY

CREW

NGÔ VĂN LINH  
ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: PBDA - GTC1	CREW: KHOÀN - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/2257	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	IAMASHEV ALBERT	PBDA	44	1	5	1	40	76	AMHGP	Russian
2	URKIN GENNADII	PBDA	38	1	5			100	AMHGP	Russian
3	GARIPOV ILIAS	PBDA	43	1	5			110	AMHGP	Russian
4	DVORETSKII NIKITA	PBDA	39,28	2	15			89	AMHGP	Russian
5	KARGAPOLTSEV DEMIAN	PBDA	33	1	4			68	AMHGP	Russian
6	IURKOV ANDREI	PBDA	41	1	5			70	AMHGP	Russian
7	VOLKOV ARTEMII	PBDA	42	1	11			87	AMHGP	Russian
8	PETR MISAKOV	PBDA	31-32	2	19			106	AMHGP	Russian
9	AGEEV DENIS	PBDA	40	1	6			105	AMHGP	Russian
10	NGO THANH SON	PBDA	47	1	11			70	DVL	Vietnamese
11	BUI BACH DUONG	PBDA	45-46	2	18	1	6	72	DVL	Vietnamese
12	PHAN THANH SON	PBDA	34	1	12			79	T-TIN	Vietnamese
13	BUI MANH PHUC	PBDA	48	1	3			75	AMNGR	Vietnamese
14	DAIANOV BORIS	PBDA	27	1	7			80	AMNGR	Vietnamese
15	HOANG THANH SON	GTC1	30-31	2	16	2	23	68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGO DINH NHAT MINH	GTC1	32	1	14	2	36	83	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	14	1.187	17	126	2	46	10		
2	GTC1	2	151	3	30	4	59	1		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.338</b>	<b>20</b>	<b>156</b>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>11</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.338</b>		<b>156</b>		<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
NGUYỄN MINH ĐỨC

